



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN**  
**CỬU LONG AN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN**  
**CỬU LONG AN GIANG**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 42
8. Phụ lục 1	43
9. Phụ lục 2	44

\*\*\*\*\*



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600680398 (số cũ là 5203000065), đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : +84 (0296) 393 1000 – 393 2821
- Fax : +84 (0296) 393 2446 – 393 2099

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; nuôi trồng thủy sản nội địa; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; bán buôn thực phẩm; cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; chế biến và bảo quản rau quả; sản xuất dầu, mỡ động, thực vật; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất các loại bánh từ bột; sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo; sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự; sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; sản xuất chè; sản xuất cà phê; sản xuất hạt nêm, gia vị, bột ngọt, bột cà ri, bột ngũ vị hương, bột khô bò, bột xa xiu, hạt tiêu, bột tiêu, bột ớt; cháo ăn liền; sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hòa tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch, khách sạn, cao ốc văn phòng; hoạt động đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động); đầu tư thực hiện việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động).

### Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Trần Thị Vân Loan	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Trần Tuấn Khanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Bà Cao Thị Thu Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Trần Văn Thà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2020
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2020

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phù Chí Khai	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Bà Phan Thị Cẩm Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Bà Trần Khánh Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2020
Bà Trần Thị Vân Loan	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2020
Ông Trần Tuấn Khanh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trần Thị Vân Loan – Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

006802  
ÔNG T  
CP  
NHẬP KHẨU  
SU LO  
N GIANG  
KUYỄN -

30044987  
CÔNG T  
CH NHIỆM HỮ  
M TOÁN VÀ T  
A & C  
NH - T.P.H

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Hội đồng quản trị,

Trần Thị Vân Loan  
Chủ tịch

Ngày 25 tháng 3 năm 2021





Số: 1.0591/21/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C****TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
A & C****Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc**

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

**Nguyễn Quốc Ngữ - Kiểm toán viên**

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 3089-2020-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.320.454.468.672</b>	<b>1.100.643.891.433</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>38.781.028.129</b>	<b>61.326.462.614</b>
1. Tiền	111	V.1	38.781.028.129	61.326.462.614
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>240.383.499.378</b>	<b>263.838.151.381</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	245.413.824.528	267.166.067.420
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.463.664.400	5.422.525.469
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.668.888.079	3.454.772.221
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(12.162.877.629)	(12.205.213.729)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>974.390.498.623</b>	<b>706.496.044.306</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	974.390.498.623	706.496.044.306
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>66.899.442.542</b>	<b>68.983.233.132</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	568.487.210	467.303.344
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		66.317.106.704	68.503.041.813
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	13.848.628	12.887.975
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>339.087.619.110</b>	<b>360.544.168.399</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>322.257.605.519</b>	<b>344.912.151.093</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	270.781.524.809	291.447.055.303
- Nguyên giá	222		642.565.177.299	621.727.380.776
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(371.783.652.490)	(330.280.325.473)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	51.476.080.710	53.465.095.790
- Nguyên giá	228		72.582.041.278	72.582.041.278
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.105.960.568)	(19.116.945.488)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>8.833.051.083</b>	<b>6.095.218.123</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	8.833.051.083	6.095.218.123
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>1.680.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11b	3.600.000.000	3.600.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.11b	(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.11a	1.000.000.000	1.680.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.996.962.508</b>	<b>7.856.799.183</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	6.575.567.451	6.948.633.956
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	421.395.057	908.165.227
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.659.542.087.782</b>	<b>1.461.188.059.832</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>965.082.211.504</b>	<b>794.911.588.461</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>965.082.211.504</b>	<b>794.911.588.461</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	51.412.640.686	65.095.012.439
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	10.390.350.532	18.298.311.792
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.423.935.407	16.409.121.460
4. Phải trả người lao động	314	V.16	9.762.307.658	20.404.725.232
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	2.788.886.383	5.952.548.803
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	3.813.043.281	2.694.831.505
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	884.471.588.430	666.037.578.103
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.459.127	19.459.127
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

1398  
 T. AN  
 9815-  
 3 TY  
 M HUU H  
 VÀ TUV  
 C  
 P HOC



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**


Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>694.459.876.278</b>	<b>666.276.471.371</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>694.459.876.278</b>	<b>666.276.471.371</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20a	501.590.190.000	227.996.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		501.590.190.000	227.996.750.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20a	15.520.224.200	15.520.224.200
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20a	14.880.252.832	14.880.252.832
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20a	162.469.209.246	407.879.244.339
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		138.986.263.992	407.879.244.339
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		23.482.945.254	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.659.542.087.782</b>	<b>1.461.188.059.832</b>

  
 Trương Minh Duy  
 Kế toán trưởng/Người lập



An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2021  
 Trần Thị Vân Loan  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	959.133.319.943	1.423.665.921.140
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	7.376.024.646	6.131.090.495
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		951.757.295.297	1.417.534.830.645
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	801.698.919.350	1.102.297.739.441
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		150.058.375.947	315.237.091.204
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.451.534.563	5.447.859.492
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	46.525.201.004	45.068.488.036
Trong đó: chi phí lãi vay	23		44.709.970.671	43.185.860.408
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	44.409.369.533	68.312.885.990
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	31.160.991.274	47.484.918.085
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.414.348.699	159.818.658.585
12. Thu nhập khác	31	VI.8	454.545	561.580.579
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.332.726.922	2.484.718.391
14. Lợi nhuận khác	40		(1.332.272.377)	(1.923.137.812)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.082.076.322	157.895.520.773
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	2.411.901.245	16.426.889.794
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	486.770.170	(243.896.978)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>28.183.404.907</u>	<u>141.712.527.957</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>28.183.404.907</u>	<u>141.712.527.957</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>-</u>	<u>-</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a, b	<u>562</u>	<u>2.852</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a, b	<u>562</u>	<u>2.852</u>

Trương Minh Duy  
Kế toán trưởng/Người lập



An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Trần Thị Vân Loan  
Chủ tịch Hội đồng quản trị



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.082.076.322	157.895.520.773
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	43.492.342.097	43.522.302.432
- Các khoản dự phòng	03	V.5	(42.336.100)	1.668.862.841
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	30.208.491	921.308.929
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(158.906.027)	(128.184.000)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	44.709.970.671	43.185.860.408
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		119.113.355.454	247.065.671.383
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		55.206.707.427	101.998.346.581
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(267.894.454.317)	(244.169.791.227)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(63.082.646.316)	(29.621.772.479)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		271.882.639	(2.150.539.162)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.5	(44.778.479.636)	(43.069.387.373)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(16.387.963.591)	(24.637.078.429)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(146.100.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(217.551.598.340)</b>	<b>5.269.349.294</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, 10	(23.575.629.483)	(31.530.994.252)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.4	129.180.000	128.184.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(23.446.449.483)</b>	<b>(31.402.810.252)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

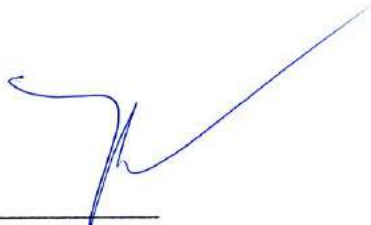
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	1.723.994.636.813		1.668.927.037.230	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(1.505.543.798.986)		(1.626.949.527.189)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		(34.198.347.875)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<u>218.450.837.827</u>		<u>7.779.162.166</u>	
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<b>50</b>		<u>(22.547.209.996)</u>		<u>(18.354.298.792)</u>	
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<b>60</b>	V.1	61.326.462.614		79.683.356.225	
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		1.775.511		(2.594.819)	
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<b>70</b>	V.1	<u>38.781.028.129</u>		<u>61.326.462.614</u>	

An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2021

  
 Trương Minh Duy  
 Kế toán trưởng/Người lập



  
 Trần Thị Vân Loan  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; mua bán cá và thủy sản; nuôi trồng thủy sản; chế biến thức ăn thủy sản; chế biến thức ăn gia súc.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty con là Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á có trụ sở chính tại lô B, Khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, mua bán cá và thủy sản, dịch vụ gia công thủy sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%). Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 6. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Dịch Covid 19 trên toàn cầu đã ảnh hưởng đến việc xuất khẩu sản phẩm làm cho doanh thu và lợi nhuận năm nay của Tập đoàn giảm mạnh so với năm trước.

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.494 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.645 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.





# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 5. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là trái phiếu được nắm giữ với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí sửa chữa, bảo trì. Chi phí sửa chữa, bảo trì phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

80  
G  
P  
TH  
LC  
GIA  
EN  
9815  
GTY  
MHUU  
VATU  
C  
PHOI



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

## 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

## 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

## 14. **Vốn chủ sở hữu**

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## 15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

### *Doanh thu bán thành phẩm*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.





# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

### 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.





# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

## 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

### 23. Công cụ tài chính

#### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thới, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.678.091.514	5.225.352.337
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.102.936.615	56.101.110.277
<b>Cộng</b>	<b><u>38.781.028.129</u></b>	<b><u>61.326.462.614</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Grupo Almos S.A.DEC.V	4.975.912.500	4.997.537.500
Quwat Albahr For Trading	26.806.175.994	48.877.173.934
LLC Sata fish Co., Ltd.	6.317.510.550	6.344.966.050
M. AL Nuaimi Foodstuff Trading L.L.C	10.547.553.900	12.578.773.000
Comercializadora Mexico Americana S .DE R.L		
DECV	37.983.152.337	89.264.593.560
Mohammed S.H. Shama Comercial EST	9.048.682.500	9.088.007.500
Piau Kee Live & Frozon Seafood Sdn Bhd	62.381.709.195	44.631.892.355
Alliance Foods Company LLC	13.187.606.250	5.101.532.500
Ông Nguyễn Văn Long	14.186.158.245	3.322.359.099
Ông Nguyễn Chí Hân	14.723.154.750	4.116.500.000
Các khách hàng khác	45.256.208.307	38.842.731.922
<b>Cộng</b>	<b><u>245.413.824.528</u></b>	<b><u>267.166.067.420</u></b>

Một số công nợ phải thu cuối năm có tổng giá trị ghi sổ là 156.073.510.506 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Trịnh Thị Hương	931.350.700	931.350.700
Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam	205.000.000	275.000.000
Weifang Heng An Imp&exp Co., Ltd.	-	585.006.840
Công ty TNHH Công nghệ Cơ điện lạnh Phan Bách	-	1.130.287.136
Công ty TNHH Xây dựng Song Thanh Tiến	1.796.022.600	-
Các nhà cung cấp khác	1.531.291.100	2.500.880.793
<b>Cộng</b>	<b><u>4.463.664.400</u></b>	<b><u>5.422.525.469</u></b>

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền lãi ứng trước	619.430.200	-	619.430.200	-
Lãi trái phiếu	29.726.027	-	-	-
Tạm ứng	1.426.159.332	-	2.338.569.470	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	593.572.520	(25.027.000)	496.772.551	(25.027.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>2.668.888.079</u></b>	<b><u>(25.027.000)</u></b>	<b><u>3.454.772.221</u></b>	<b><u>(25.027.000)</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Kanpa International Sales - phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	1.669.950.750	-	Trên 3 năm	1.677.208.250	-
Promark F.Z.E (Promark General Trading) - phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	352.766.310	-	Trên 3 năm	354.299.410	-
LLC Sata Fish Ltd. - phải thu tiền hàng	Trên 03 năm	6.317.510.550	-	Trên 03 năm	6.344.966.050	-
Zhanjiang Best And Fresh Seafood Co., Ltd. - phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	2.549.527.325	1.292.363.925	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.514.326.800	1.257.163.400
Phải thu các tổ chức khác - phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	26.667.306.289	25.058.197.370	Trên 3 năm	1.615.198.919	-
Bà Trịnh Thị Hương - trả trước người bán	Trên 3 năm	1.015.132.000	83.781.300	Trên 3 năm	931.350.700	-
Phải thu các cá nhân khác - phải thu khác	Trên 3 năm	47.463.995	22.436.995	Từ 1 năm đến trên 3 năm	109.117.005	84.090.005
<b>Cộng</b>		<b>38.619.657.219</b>	<b>26.456.779.590</b>		<b>13.546.467.134</b>	<b>1.341.253.405</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	12.205.213.729	10.536.350.888
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1.668.862.841
Hoàn nhập dự phòng	(42.336.100)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.162.877.629</b>	<b>12.205.213.729</b>

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	32.818.012.387	-	46.787.915.986	-
Công cụ, dụng cụ	8.405.024.621	-	8.235.612.638	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	418.375.746.824	-	205.983.200.545	-
Thành phẩm	509.513.952.101	-	431.895.961.696	-
Hàng gửi đi bán	5.277.762.690	-	13.593.353.441	-
<b>Cộng</b>	<b>974.390.498.623</b>	<b>-</b>	<b>706.496.044.306</b>	<b>-</b>

Một số nguyên liệu, vật liệu và thành phẩm tồn kho cuối năm có tổng giá trị ghi sổ là 200.583.510.506 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****7. Chi phí trả trước****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	240.583.332	221.087.883
Chi phí sửa chữa, bảo trì	327.903.878	138.531.108
Chi phí thuê đất	-	64.933.294
Chi phí bảo hiểm	-	42.751.059
<b>Cộng</b>	<b><u>568.487.210</u></b>	<b><u>467.303.344</u></b>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	268.360.664	737.166.013
Chi phí sửa chữa, bảo trì	5.694.621.799	5.758.941.053
Chi phí lắp đặt	156.096.656	390.241.664
Chi phí bảo trì, bảo dưỡng	456.488.332	62.285.226
<b>Cộng</b>	<b><u>6.575.567.451</u></b>	<b><u>6.948.633.956</u></b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	212.431.507.799	398.781.741.583	7.892.917.504	2.621.213.890	621.727.380.776
Mua trong năm	630.750.000	843.500.000	409.000.000	-	1.883.250.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	3.114.770.909	15.839.775.614	-	-	18.954.546.523
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>216.177.028.708</u></b>	<b><u>415.465.017.197</u></b>	<b><u>8.301.917.504</u></b>	<b><u>2.621.213.890</u></b>	<b><u>642.565.177.299</u></b>
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	27.737.467.900	43.035.167.096	4.050.609.414	1.543.280.652	76.366.525.062
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	101.773.815.599	220.807.679.090	5.358.141.990	2.340.688.794	330.280.325.473
Khấu hao trong năm	11.205.408.929	29.595.022.832	590.408.908	112.486.348	41.503.327.017
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>112.979.224.528</u></b>	<b><u>250.402.701.922</u></b>	<b><u>5.948.550.898</u></b>	<b><u>2.453.175.142</u></b>	<b><u>371.783.652.490</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	110.657.692.200	177.974.062.493	2.534.775.514	280.525.096	291.447.055.303
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>103.197.804.180</u></b>	<b><u>165.062.315.275</u></b>	<b><u>2.353.366.606</u></b>	<b><u>168.038.748</u></b>	<b><u>270.781.524.809</u></b>
<b>Trong đó:</b>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 198.543.696.669 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****9. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	72.264.241.278	317.800.000	72.582.041.278
<b>Số cuối năm</b>	<b>72.264.241.278</b>	<b>317.800.000</b>	<b>72.582.041.278</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	317.800.000	317.800.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	18.817.345.488	299.600.000	19.116.945.488
Khấu hao trong năm	1.970.815.080	18.200.000	1.989.015.080
<b>Số cuối năm</b>	<b>20.788.160.568</b>	<b>317.800.000</b>	<b>21.105.960.568</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	53.446.895.790	18.200.000	53.465.095.790
<b>Số cuối năm</b>	<b>51.476.080.710</b>	<b>-</b>	<b>51.476.080.710</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 33.333.074.010 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quyền khai thác đất bãi bồi vùng nuôi Mỹ Hòa Hưng	1.744.787.500	-	-	1.744.787.500
Kho lạnh 1000 tấn	-	7.677.900.643	(7.677.900.643)	-
Máy nén trục vít	-	2.900.522.000	(2.900.522.000)	-
Băng chuyền IQF	-	7.672.440.380	(7.672.440.380)	-
Các công trình khác	4.350.430.623	3.441.516.460	(703.683.500)	7.088.263.583
<b>Cộng</b>	<b>6.095.218.123</b>	<b>21.692.379.483</b>	<b>(18.954.546.523)</b>	<b>8.833.051.083</b>

**11. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

**11a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Trái phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000	1.680.000.000	1.680.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.680.000.000</b>	<b>1.680.000.000</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Trong năm Tập đoàn đã tất toán 168 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Đồng thời, Tập đoàn đầu tư 10.000 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với giá mua là 1.000.000.000 VND, thời gian 10 năm.

### 11b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Tô Châu theo Hợp đồng mua cổ phiếu số 1/2008/CLAG ngày 02 tháng 02 năm 2008 với số lượng 1.000.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ. Theo Công văn số 83/CLAG/08 ngày 27 tháng 5 năm 2008 về việc ngưng góp vốn thêm, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang chỉ mua 300.000 cổ phiếu, với giá mua 12.000 VND/cổ phiếu. Hiện tại Công ty nắm giữ 03% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tô Châu.

#### Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### 12. Thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và lãi tính thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại sau bù trừ
Số đầu năm	1.001.079.757	(92.914.530)	908.165.227
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(482.806.679)	(3.963.491)	(486.770.170)
<b>Số cuối năm</b>	<b>518.273.078</b>	<b>(96.878.021)</b>	<b>421.395.057</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại Công ty mẹ là 15%, Công ty con là 10%.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả do các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Khai Anh Bình Thuận	-	10.910.768.000
Công ty TNHH Thiết bị lạnh & Cách nhiệt TST	10.466.738.938	19.943.477.876
Công ty TNHH Công nghệ Cơ điện lạnh Phan Bách	2.260.574.272	-
Các nhà cung cấp khác	38.685.327.476	34.240.766.563
<b>Cộng</b>	<b>51.412.640.686</b>	<b>65.095.012.439</b>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chongqing Guanlei Shuichan Co., Ltd.	1.064.591.000	1.064.591.000
Sanghai Bay Aquatic 1	1.103.461.240	1.103.461.240
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nguyệt Trang	1.580.746.873	3.107.771.773
Lanesync Supply Chain Service Co., Ltd.	-	2.778.900.000
M/S Barbeque - Nation Hospitality Ltd.	-	3.910.116.210
Các khách hàng khác	6.641.551.419	6.333.471.569
<b>Cộng</b>	<b>10.390.350.532</b>	<b>18.298.311.792</b>

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu : 0%
- Thành phẩm tiêu thụ nội địa : Không chịu thuế, 5%
- Dịch vụ : 10%

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

##### *Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang*

Năm 2013 Công ty đã đưa vào hoạt động nhà máy chế biến thức ăn thủy sản, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất 15% trong 12 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2020 là năm thứ 5 dự án được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2015 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2020 là năm thứ 4 dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2016 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thức ăn thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2020 là năm thứ 3 dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2018 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2020 là năm thứ đầu tiên dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

198  
Y  
HUY  
NG  
VG  
1. AN  
315-  
TY  
HUU M  
TUY  
C  
ĐC



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thợ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Năm 2019 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2020 là năm thứ 2 dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

### *Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á*

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% do hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Thu nhập từ các hoạt động khác Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	2.348.412.030	11.075.712.734
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á	<u>63.489.215</u>	<u>5.351.177.060</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>2.411.901.245</u></b>	<b><u>16.426.889.794</u></b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### *Thuế tài nguyên*

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 4.000 VND/m<sup>3</sup> và 5.000 VND/m<sup>3</sup>.

### *Tiền thuê đất*

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất như sau:

- Đất thuê tại Khu tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang với mức 10.500 VND/m<sup>2</sup>/năm cho diện tích 14.602 m<sup>2</sup>, 42.000 VND/m<sup>2</sup>/năm cho diện tích 5.044,8 m<sup>2</sup> và 25.000 VND/m<sup>2</sup>/năm cho diện tích 8.624,2 m<sup>2</sup>. Tiền thuê đất được trả hằng năm theo thông báo của cơ quan thuế.
- Đất thuê tại Lô B, Khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang với mức 0,45 USD/m<sup>2</sup>/năm cho diện tích 31.528,8 m<sup>2</sup> theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng thuê đất số 11/HĐ.TĐ ngày 13 tháng 5 năm 2010. Giá tiền thuê được ổn định trong 05 năm kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2010 đến ngày 04 tháng 5 năm 2015, hết thời hạn này, giá tiền thuê đất được tính lại theo quy định của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Thời hạn thuê là 49 năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 522210000013 ngày 09 tháng 02 năm 2010 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh An Giang cấp, Tập đoàn được miễn tiền thuê đất 11 năm (từ năm 2011 đến năm 2022).

### *Thuế nhà đất*

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### *Các loại thuế khác*

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****16. Phải trả người lao động**

Lương tháng 12 năm 2020 còn phải trả cho người lao động.

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	836.129.557	904.638.522
Chi phí cước tàu và phí chứng từ	684.385.930	1.373.400.994
Chi phí vận chuyển	1.176.060.896	3.077.671.427
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	92.310.000	596.837.860
<b>Cộng</b>	<b><u>2.788.886.383</u></b>	<b><u>5.952.548.803</u></b>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<b>44.695.264</b>	<b>44.695.264</b>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - lợi nhuận phải trả	44.695.264	44.695.264
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>3.768.348.017</b>	<b>2.650.136.241</b>
Kinh phí công đoàn	2.673.021.706	2.489.585.770
Bảo hiểm xã hội	586.902.004	1.439.064
Bảo hiểm y tế	299.943.790	-
Bảo hiểm thất nghiệp	143.707.942	250.882
Cổ tức còn phải trả	1.164.625	1.164.625
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	63.607.950	157.695.900
<b>Cộng</b>	<b><u>3.813.043.281</u></b>	<b><u>2.694.831.505</u></b>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**19. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay các cá nhân có liên quan <sup>(i)</sup></i>	<b>66.480.000.000</b>	<b>7.100.000.000</b>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<b>817.991.588.430</b>	<b>658.937.578.103</b>
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang	-	20.805.488.087
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang <sup>(ii)</sup>	443.100.263.142	416.489.323.845
Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) <sup>(iii)</sup>	42.100.000.000	42.500.000.000
Vay Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Cần Thơ <sup>(iv)</sup>	45.847.930.500	4.781.260.000
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang <sup>(v)</sup>	106.919.592.088	70.721.506.171
Vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(vi)</sup>	45.900.000.000	58.500.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh An Giang <sup>(vii)</sup>	62.946.742.944	38.640.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(viii)</sup>	71.177.059.756	6.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>884.471.588.430</u></b>	<b><u>666.037.578.103</u></b>



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (i) Công ty mẹ vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân có liên quan để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu, chế biến thủy sản và chi phí nuôi cá tra hầm với lãi suất thỏa thuận, theo từng lần nhận nợ nhưng không vượt quá lãi suất vay ngân hàng, thời hạn vay 12 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang chi tiết như sau:
- Công ty mẹ: vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C với lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, thời hạn vay 12 tháng.
  - Công ty con: vay bổ sung vốn lưu động với lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể.

Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.8 và V.9).

- (iii) Khoản vay của Công ty mẹ tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để đáp ứng nhu cầu vốn của Công ty cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển, nhu cầu dịch vụ thương mại (bao gồm phát hành bảo lãnh) và nhu cầu chi tiêu với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 5 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.2 và V.9).
- (iv) Khoản vay của Công ty mẹ tại Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Cần Thơ để đáp ứng nhu cầu bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho luân chuyển (xem thuyết minh số V.6).
- (v) Khoản vay của Công ty mẹ tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động, mở LC, phát hành bảo lãnh, chiết khấu, bao thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu, hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.2, V.6, V.8 và V.9).
- (vi) Khoản vay của Công ty mẹ tại Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu, hàng tồn kho và chuyển giao quyền thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm hàng tồn kho thế chấp cho ngân hàng (xem thuyết minh số V.2 và V.6).
- (vii) Khoản vay của Công ty mẹ tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh An Giang để đáp ứng nhu cầu bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc (xem thuyết minh số V.8).
- (viii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của Công ty mẹ tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để mở L/C, chiết khấu, thấu chi, bảo lãnh hoặc các khoản tín dụng khác với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn cá nhân	7.100.000.000	134.050.000.000	-	(74.670.000.000)	66.480.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	658.937.578.103	1.589.944.636.813	(16.827.500)	(1.430.873.798.986)	817.991.588.430
<b>Cộng</b>	<b>666.037.578.103</b>	<b>1.723.994.636.813</b>	<b>(16.827.500)</b>	<b>(1.505.543.798.986)</b>	<b>884.471.588.430</b>

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm.

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Trần Thị Vân Loan	262.999.500.000	119.545.230.000
Ông Trần Tuấn Khanh	23.747.590.000	10.794.360.000
Ông Trần Minh Nhật	23.153.590.000	10.524.360.000
Ông Trần Tuấn Nam	23.153.590.000	10.524.360.000
Bà Trần Thị Thu Vân	23.153.590.000	10.524.360.000
Các cổ đông khác	145.382.330.000	66.084.080.000
<b>Cộng</b>	<b>501.590.190.000</b>	<b>227.996.750.000</b>

Trong năm Công ty mẹ đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1,2 (cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phần được nhận 1,2 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 19 tháng 5 năm 2020. Trên cơ sở đó, Công ty mẹ đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 273.593.440.000 VND. Ngày 22 tháng 9 năm 2020 Công ty mẹ đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 501.590.190.000 VND.

**20c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.159.019	22.799.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.159.019	22.799.675
- Cổ phiếu phổ thông	50.159.019	22.799.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.159.019	22.799.675
- Cổ phiếu phổ thông	50.159.019	22.799.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 20d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ/CLAG/2020 ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty mẹ đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 (tỷ lệ phát hành dự kiến 120% - cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu hiện hữu được nhận 1,2 cổ phiếu mới) và thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2020 dự kiến từ 5% đến 10% mệnh giá.

### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

#### 21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	582.532.440	582.532.440
Trên 01 năm đến 05 năm	2.330.129.760	2.330.129.760
Trên 05 năm	17.626.877.170	18.209.409.610
<b>Cộng</b>	<b><u>20.539.539.370</u></b>	<b><u>21.122.071.810</u></b>

Tập đoàn thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 50 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang công bố.

#### 21b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	187.396,54	845.280,06
Euro (EUR)	468,59	468,59
Nhân dân tệ (CNY)	5.335,00	5.335,00

#### 21c. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Alliance Seafood Group	4.456.515.598	4.456.515.598
Montkaura, S.L	4.809.535.666	4.809.535.666
Piau Kee Live & Frozen Seafood Sdn	2.513.095.200	2.513.095.200
Wilbo S.A	532.400.850	532.400.850
Các khách hàng khác	669.709.611	613.056.601
<b>Cộng</b>	<b><u>12.981.256.925</u></b>	<b><u>12.924.603.915</u></b>

Các khoản công nợ trên được xóa sổ do đã quá hạn không thanh toán và không có khả năng thu hồi.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	854.648.255.113	1.290.345.487.120
Doanh thu bán phụ phẩm	104.485.064.830	133.320.434.020
<b>Cộng</b>	<b><u>959.133.319.943</u></b>	<b><u>1.423.665.921.140</u></b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác (năm trước chỉ có giao dịch bán thức ăn cho cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt với số tiền là 960.000.000 VND).

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	1.506.290.000	2.514.250.000
Hàng bán bị trả lại	5.377.570.470	2.144.452.960
Giảm giá hàng bán	492.164.176	1.472.387.535
<b>Cộng</b>	<b><u>7.376.024.646</u></b>	<b><u>6.131.090.495</u></b>

**3. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp.

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	23.166.233	42.548.760
Lãi bán hàng trả chậm	835.889.671	1.874.073.419
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.433.572.632	3.403.053.313
Lãi trái phiếu	158.906.027	128.184.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.451.534.563</u></b>	<b><u>5.447.859.492</u></b>

**5. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	44.709.970.671	43.185.860.408
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.785.021.842	961.318.699
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	30.208.491	921.308.929
<b>Cộng</b>	<b><u>46.525.201.004</u></b>	<b><u>45.068.488.036</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	21.206.833.153	32.859.628.636
Phí kiểm nghiệm, phí vi sinh	415.088.800	761.417.909
Phí vận chuyển	17.323.068.936	21.948.859.070
Các chi phí khác	5.464.378.644	12.742.980.375
<b>Cộng</b>	<b><u>44.409.369.533</u></b>	<b><u>68.312.885.990</u></b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	20.526.136.008	31.342.873.960
Chi phí đồ dùng văn phòng	232.431.357	433.838.362
Chi phí khấu hao tài sản cố định	783.166.880	758.727.796
Thuế, phí và lệ phí	765.416.712	786.415.681
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(42.336.100)	1.668.862.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.498.163.582	5.358.513.804
Các chi phí khác	6.398.012.835	7.135.685.641
<b>Cộng</b>	<b><u>31.160.991.274</u></b>	<b><u>47.484.918.085</u></b>

**8. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu hỗ trợ	-	91.706.000
Xử lý nợ không phải trả	-	469.874.579
Thanh lý công cụ	454.545	-
<b>Cộng</b>	<b><u>454.545</u></b>	<b><u>561.580.579</u></b>

**9. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi hỗ trợ	70.450.000	297.550.000
Chi mua quà biếu, thưởng lễ	422.651.700	164.034.500
Chi nộp phạt	203.626.203	1.760.519
Xóa nợ khó đòi	56.653.010	562.173.167
Các chi phí khác	579.346.009	1.459.200.205
<b>Cộng</b>	<b><u>1.332.726.922</u></b>	<b><u>2.484.718.391</u></b>

**10. Lãi trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.183.404.907	141.712.527.957
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	28.183.404.907	141.712.527.957
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	50.159.019	49.688.973
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>562</u></b>	<b><u>2.852</u></b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	22.799.675	22.799.675
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	27.359.344	26.889.298
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>50.159.019</u></b>	<b><u>49.688.973</u></b>

## 10b. Thông tin khác

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 6.216 VND xuống còn 2.852 VND.

## 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	913.047.021.774	1.188.570.567.807
Chi phí nhân công	120.429.697.779	183.694.955.273
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.492.342.097	43.522.302.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.694.693.285	116.027.752.163
Chi phí khác	13.644.087.239	22.876.028.332
<b>Cộng</b>	<b><u>1.182.307.842.174</u></b>	<b><u>1.554.691.606.007</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.*

Ngoài giao dịch về bán hàng cho cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Các thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Vay	86.900.000.000	7.100.000.000
Trả nợ vay	51.100.000.000	-
<b>Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt</b>		
Vay	47.150.000.000	-
Trả nợ vay	23.570.000.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá thành phẩm bán cho cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là giá thỏa thuận.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.18 và V.19.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát*

	<b>Tiền lương</b>	<b>Phụ cấp</b>	<b>Cộng thu nhập</b>
<b>Năm nay</b>			
Bà Trần Thị Vân Loan - Chủ tịch Hội đồng quản trị	544.618.000	141.600.000	686.218.000
Ông Nguyễn Xuân Hải - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	343.551.000	52.800.000	396.351.000
Ông Trần Tuấn Khanh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	182.622.000	26.400.000	209.022.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Thành viên Hội đồng quản trị	42.231.220	48.381.780	90.613.000
Ông Phù Chí Khai - Trưởng Ban Kiểm soát	93.915.000	52.800.000	146.715.000
Bà Phan Thị Cẩm Tú - Thành viên Ban Kiểm soát	57.829.000	26.400.000	84.229.000
Bà Trần Khánh Hiền - Thành viên Ban Kiểm soát	73.070.000	7.684.000	80.754.000
<b>Cộng</b>	<b>1.337.836.220</b>	<b>356.065.780</b>	<b>1.693.902.000</b>
<b>Năm trước</b>			
Bà Trần Thị Vân Loan - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	618.000.000	207.600.000	825.600.000
Ông Nguyễn Xuân Hải - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	346.000.000	130.800.000	476.800.000
Ông Trần Tuấn Khanh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	186.786.000	66.600.000	253.386.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Thành viên Hội đồng quản trị	108.000.000	49.200.000	157.200.000
Ông Phù Chí Khai - Trưởng Ban Kiểm soát	119.040.000	41.600.000	160.640.000
Ông Nguyễn Tấn Tới - Thành viên Ban Kiểm soát	116.526.000	27.224.000	143.750.000
Bà Phan Thị Cẩm Tú - Thành viên Ban Kiểm soát	75.550.000	20.800.000	96.350.000
Bà Trần Khánh Hiền - Thành viên Ban Kiểm soát	67.960.000	18.000.000	85.960.000
<b>Cộng</b>	<b>1.637.862.000</b>	<b>561.824.000</b>	<b>2.199.686.000</b>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long	Công ty có quan hệ mật thiết với Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Mỹ	Công ty có quan hệ mật thiết với Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua cá nguyên liệu	-	14.855.975.000
Phí gia công	7.244.000.000	-

Giá thành phẩm cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận do Tập đoàn công bố. Việc mua nguyên liệu và dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Tập đoàn không có công nợ với các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là hoạt động chế biến thức ăn và cá tra fillet đông lạnh. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong nước	338.258.548.830	417.435.933.020
Nước ngoài	613.498.746.467	1.000.098.897.625
<b>Cộng</b>	<b><u>951.757.295.297</u></b>	<b><u>1.417.534.830.645</u></b>

## 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

### 3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

39  
TY  
HỮU  
JN  
NG  
1. P  
9815  
TY  
HỮU  
TUV  
C  
HỖ CỖ



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

### Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.781.028.129	-	-	38.781.028.129
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	207.856.763.304	25.058.197.370	12.498.863.854	245.413.824.528
Các khoản phải thu khác	1.195.264.752	22.436.995	25.027.000	1.242.728.747
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>248.833.056.185</b>	<b>25.080.634.365</b>	<b>16.123.890.854</b>	<b>290.037.581.404</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.326.462.614	-	-	61.326.462.614
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.680.000.000	-	-	1.680.000.000
Phải thu khách hàng	254.660.067.991	-	12.505.999.429	267.166.067.420
Các khoản phải thu khác	1.007.085.746	84.090.005	25.027.000	1.116.202.751
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>318.673.616.351</b>	<b>84.090.005</b>	<b>16.131.026.429</b>	<b>334.888.732.785</b>

### 3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 01 tháng 01 năm 2020 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD	EUR	CNY	USD	EUR	CNY
Tiền và các khoản tương đương tiền	187.396,54	468,59	5.335,00	845.280,06	468,59	5.335,00
Phải thu khách hàng	8.519.340,67	-	2.703.292,50	10.336.419,52	-	2.703.292,50
Phải trả người bán	(18.255,10)	-	-	(18.255,10)	-	-
Vay và nợ	(1.980.900,00)	-	-	(206.000,00)	-	-
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>6.707.582,11</b>	<b>468,59</b>	<b>2.708.627,50</b>	<b>10.957.444,48</b>	<b>468,59</b>	<b>2.708.627,50</b>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ tăng/giảm 3.086.829.287 VND (năm trước tăng/giảm 5.064.530.839 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND với EUR và CNY đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do tài sản thuần có giá trị nhỏ.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 838.623.657.930 VND và 1.980.900 USD (số đầu năm là 661.256.318.103 VND và 206.000 USD).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 16.772.473.159 VND (năm trước giảm/tăng 13.225.126.362 VND).

Rủi ro do biến động của lãi suất vay USD đến lợi nhuận trước thuế năm nay của Tập đoàn là không đáng kể do số tiền vay USD nhỏ.

### Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Tập đoàn đẩy mạnh phát triển vùng nuôi cá để chủ động nguồn nguyên liệu và quản lý rủi ro về giá nguyên liệu.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

### 3d. Tài sản đảm bảo

#### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp một khoản nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.2). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 156.073.510.506 VND (số đầu năm là 185.603.307.405 VND).

#### Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2020.

### 4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

#### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.781.028.129	-	61.326.462.614	-	38.781.028.129	61.326.462.614
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-	1.680.000.000	-	1.000.000.000	1.680.000.000
Phải thu khách hàng	245.413.824.528	(11.206.499.929)	267.166.067.420	(11.248.836.029)	234.207.324.599	255.917.231.391
Các khoản phải thu khác	1.242.728.747	(25.027.000)	1.116.202.751	(25.027.000)	1.217.701.747	1.091.175.751
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.600.000.000	(3.600.000.000)	3.600.000.000	(3.600.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>290.037.581.404</b>	<b>(14.831.526.929)</b>	<b>334.888.732.785</b>	<b>(14.873.863.029)</b>	<b>275.206.054.475</b>	<b>320.014.869.756</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### Nợ phải trả tài chính


	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	51.412.640.686	65.095.012.439	51.412.640.686	65.095.012.439
Vay và nợ	884.471.588.430	666.037.578.103	884.471.588.430	666.037.578.103
Các khoản phải trả khác	2.898.354.222	6.156.104.592	2.898.354.222	6.156.104.592
<b>Cộng</b>	<b>938.782.583.338</b>	<b>737.288.695.134</b>	<b>938.782.583.338</b>	<b>737.288.695.134</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

### 5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2021

  
Trương Minh Duy  
Kế toán trưởng/Người lập

  
Trần Thị Văn Loan  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỨU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Phụ lục 1: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	139.377.583	(139.377.583)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	3.466.500	(3.466.500)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.387.963.592	-	2.411.901.245	(16.387.963.591)	2.411.901.246	-
Thuế thu nhập cá nhân	16.329.068	12.887.975	240.650.186	(248.761.106)	9.178.801	13.848.628
Tiền thuế đất	4.828.800	-	43.360.960	(45.334.400)	2.855.360	-
Thuế nhà đất	-	-	582.532.440	(582.532.440)	-	-
Thuế tài nguyên	-	-	7.283.153	(7.283.153)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	10.305.840	(10.305.840)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.409.121.460</b>	<b>12.887.975</b>	<b>3.438.877.907</b>	<b>(17.425.024.613)</b>	<b>2.423.935.407</b>	<b>13.848.628</b>

Đơn vị tính: VND

An Giang ngày 25 tháng 3 năm 2021



Trần Thị Vân Loan

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trương Minh Duy

Kế toán trưởng/Người lập

815-  
TY  
HỮU  
TƯ V  
C  
Ổ CH



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỨU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Tho, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	227.996.750.000	15.520.224.200	14.880.252.832	300.366.228.882	558.763.455.914
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	141.712.527.957	141.712.527.957
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(34.199.512.500)	(34.199.512.500)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>227.996.750.000</b>	<b>15.520.224.200</b>	<b>14.880.252.832</b>	<b>407.879.244.339</b>	<b>666.276.471.371</b>
Số dư đầu năm nay	227.996.750.000	15.520.224.200	14.880.252.832	407.879.244.339	666.276.471.371
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	28.183.404.907	28.183.404.907
Tăng vốn từ lợi nhuận trong năm nay	273.593.440.000	-	-	(273.593.440.000)	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>501.590.190.000</b>	<b>15.520.224.200</b>	<b>14.880.252.832</b>	<b>162.469.209.246</b>	<b>694.459.876.278</b>

Đơn vị tính: VND

An Giang ngày 25 tháng 3 năm 2021



Trương Minh Duy

Kế toán trưởng/Người lập

Trần Thị Vân Loan

Chủ tịch Hội đồng quản trị

